Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 9003.11.00

Mã HS	9003.11.00
Mô tả hàng hóa	Khung và gọng cho kính đeo, kính bảo hộ hoặc các loại tương tự, và các bộ phận của chúng / - Khung và gọng: / - - Bằng plastic
Đơn vị	chiếc/bộ
Thời điểm tạo	09/11/2026 05:24:10
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/90031100/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	15	15%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K17939
Thuế NK ưu đãi (MFN)	10	10%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N17939
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q17939
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	2	2%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	5.7	5,7%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E17239
ATIGA	2022	2022	0	AT!E17168
ATIGA	2023	2023	0	AT!F17168
ATIGA	2024	2024	0	AT!G17168
ATIGA	2025	2025	0	AT!H17168
ATIGA	2026	2026	0	AT!I17168
ATIGA	2027	2027	0	AT!J17168
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E17224
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F17224

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G17224
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H17224
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I17224
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J17224
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E17225
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F17225
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G17225
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H17225
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I17225
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J17225
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F17230
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H17186
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F17182
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G17182
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H17182
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I17182
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J17182
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K17182
VKFTA	2022	2022	0	VK!E17228
VKFTA	2023	2023	0	VK!F17228
VKFTA	2024	2024	0	VK!G17228
VKFTA	2025	2025	0	VK!H17228
VKFTA	2026	2026	0	VK!I17228
VKFTA	2027	2027	0	VK!J17228
VCFTA	2022	2022	2	VC!D17290
VCFTA	2023	2023	1	VC!E17290

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F17290
VCFTA	2025	2025	0	VC!G17290
VCFTA	2026	2026	0	VC!H17290
VCFTA	2027	2027	0	VC!I17290
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D17266
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E17266
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F17266
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G17266
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H17266
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I17266
AHKFTA	2022	2022	6	AKH!D17261
AHKFTA	2023	2023	4	AKH!E17261
AHKFTA	2024	2024	4	AKH!F17261
AHKFTA	2025	2025	2	AKH!G17261
AHKFTA	2026	2026	2	AKH!H17261
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I17261
EVFTA	2022	2022	2,5	EV-NK!D17291
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E17291
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F17291
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G17291
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H17291
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I17291
UKVFTA	2022	2022	2,5	UKV!D17290
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E17290
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F17290
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G17290

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H17290
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I17290
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D17384
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E17384
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F17384
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G17384
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H17384
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I17384
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J17384
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D17253
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E17253
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F17253
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G17253
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H17253
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I17253
RCEP B	2022	2022	0	B!D17253
RCEP B	2023	2023	0	B!E17253
RCEP B	2024	2024	0	B!F17253
RCEP B	2025	2025	0	B!G17253
RCEP B	2026	2026	0	B!H17253
RCEP B	2027	2027	0	B!I17253
RCEP C	2022	2022	0	C!D17251
RCEP C	2023	2023	0	C!E17251
RCEP C	2024	2024	0	C!F17251
RCEP C	2025	2025	0	C!G17251
RCEP C	2026	2026	0	C!H17251

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I17251
RCEP D	2022	2022	0	D!D17250
RCEP D	2023	2023	0	D!E17250
RCEP D	2024	2024	0	D!F17250
RCEP D	2025	2025	0	D!G17250
RCEP D	2026	2026	0	D!H17250
RCEP D	2027	2027	0	D!I17250
RCEP E	2022	2022	0	E!D17254
RCEP E	2023	2023	0	E!E17254
RCEP E	2024	2024	0	E!F17254
RCEP E	2025	2025	0	E!G17254
RCEP E	2026	2026	0	E!H17254
RCEP E	2027	2027	0	E!I17254
RCEP F	2022	2022	0	F!D17253
RCEP F	2023	2023	0	F!E17253
RCEP F	2024	2024	0	F!F17253
RCEP F	2025	2025	0	F!G17253
RCEP F	2026	2026	0	F!H17253
RCEP F	2027	2027	0	F!I17253
VIFTA	2024	2024	8.6	VI!F16181
VIFTA	2025	2025	7.1	VI!G16181
VIFTA	2026	2026	5.7	VI!H16181
VIFTA	2027	2027	4.3	VI!I16181

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 9003.11.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 10% của mã 9003.11.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N17939), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.